BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75 /QĐ-ĐHSĐ

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 24/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Sao Đỏ;

Căn cứ Quyết định số 2382/QĐ-BCT ngày 08/9/2020; sửa đổi, bổ sung một số điều tại Quyết định số 1124/QĐ-BCT ngày 01/4/2021 của Bộ Công Thương về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Sao Đỏ;

Căn cứ Quyết định số 74/QĐ-ĐHSĐ ngày 23/02/2026 của Trường Đại học Sao Đỏ về việc ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ;

Căn cứ Biên bản họp xây dựng thông tin tuyển sinh năm 2026 của tập thể cán bộ chủ chốt Nhà trường ngày 23/02/2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Tuyển sinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 hình thức đào tạo chính quy, Thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 hình thức đào tạo thường xuyên của Trường Đại học Sao Đỏ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thông tin tuyển sinh đại học năm 2026 của Trường Đại học Sao Đỏ sẽ được cập nhật, sửa đổi, bổ sung khi có các văn bản hướng dẫn mới (nếu có) và công bố công khai theo quy định.

Điều 3. Hội đồng tuyển sinh, các ông (bà) trưởng đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Các đ/c Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, ĐT&TS.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2026
(Hình thức đào tạo: Chính quy)

(Ban hành theo Quyết định số 75 /QĐ-ĐHSĐ ngày 24 tháng 02 năm 2026 của Trường Đại học Sao Đỏ)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Sao Đỏ

2. Mã trường: SDU

3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu):

Trụ sở chính: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo: *https://saodo.edu.vn*

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh: *https://saodo.edu.vn/vi/news/dai-hoc-chinh-quy*

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:

0862 15 05 69 - 0838 15 05 69 - 0981 116 388

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo: *https://saodo.edu.vn*

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Thí sinh đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT), trung học nghề của Việt Nam hoặc của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương với THPT, trung học nghề của Việt Nam do các đơn vị chức năng xác định;
- Thí sinh đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật;
- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại khoản II.1.3.1;
- Có sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành. Đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên: Không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật phát âm;
- Đối với thí sinh khuyết tật bị suy giảm khả năng học tập, Nhà trường thực hiện các biện pháp cần thiết và tạo điều kiện tốt nhất để thí sinh có nguyện vọng được đăng ký dự tuyển và theo học các ngành phù hợp với điều kiện sức khỏe của thí sinh;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của Trường.
- Dối với chương trình đào tạo giáo viên chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Nhà trường thực hiện tuyển sinh đại học chính quy theo 5 phương thức xét tuyển:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT.
- **Phương thức 3:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (theo học bạ).
- **Phương thức 4:** Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội, đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội.
- **Phương thức 5:** Xét tuyển kết hợp.

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên

2.1.1. Đối tượng

a) Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thẳng vào các ngành đào tạo.

b) Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, cử tham gia; được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

c) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Giáo dục và Đào tạo cử tham gia; được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

d) Hiệu trưởng căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu của ngành đào tạo để xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

- Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

- Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định, có khả năng theo học một số ngành do Nhà trường quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

2.1.2. Nhà trường ưu tiên xét tuyển đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026 với các trường hợp sau đây:

a) Thí sinh quy định tại mục II.2.1.1.a, II.2.1.1.b, II.2.1.1c dự tuyển vào các ngành theo nguyện vọng (không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng);

b) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

Các thí sinh này được xem xét vào ngành học phù hợp nhưng phải đảm bảo ngưỡng đầu vào theo quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp môn xét tuyển

- Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 để xét tuyển cho tất cả các ngành đào tạo đại học.

- Thí sinh đăng ký, thực hiện theo hướng dẫn của trường THPT, trường trung học nghề, trung tâm GDNN-GDTX, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của các môn thi tốt nghiệp THPT năm 2026 theo tổ hợp môn xét tuyển tương ứng của ngành tuyển sinh theo thang điểm 30, điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và điểm khuyến khích (nếu có).

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + ĐKK + ĐƯT

+) ĐKK: điểm khuyến khích đối với thí sinh dự tuyển có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế xét tuyển theo tổ hợp không có môn Ngoại ngữ để quy đổi điểm, điểm khuyến khích cộng theo Bảng quy đổi điểm và điểm khuyến khích chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tại mục II.5.c;

+) ĐƯT: điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng.

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ Quốc tế được quy đổi điểm thay thế môn Ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT theo tổ hợp môn xét tuyển

- Sử dụng kết quả học tập cấp THPT của 03 môn theo tổ hợp xét tuyển để xét tuyển cho tất cả các ngành đào tạo đại học.

- Lấy điểm trung bình học tập 03 năm học lớp 10,11,12 cấp THPT.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm của 03 môn học cấp THPT theo tổ hợp xét tuyển tương ứng của ngành tuyển sinh (thang điểm 30), điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và điểm khuyến khích (nếu có).

Điểm xét tuyển = ĐTB môn 1 + ĐTB môn 2 + ĐTB môn 3 + ĐKK + ĐƯT

+) ĐTB môn 1, ĐTB môn 2, ĐTB môn 3 là điểm trung bình học tập 3 năm học lớp 10,11,12 cấp THPT của 03 môn tương ứng theo tổ hợp xét tuyển của ngành tuyển sinh. Điểm trung bình cả năm môn học được ghi trong học bạ cấp THPT của thí sinh.

ĐTB môn 1 = (điểm TB cả năm của môn 1 lớp 10 + điểm TB cả năm của môn 1 lớp 11 + điểm TB cả năm của môn 1 lớp 12) /3;

ĐTB môn 2 = (điểm TB cả năm của môn 2 lớp 10 + điểm TB cả năm của môn 2 lớp 11 + điểm TB cả năm của môn 2 lớp 12) /3;

ĐTB môn 3 = (điểm TB cả năm của môn 3 lớp 10 + điểm TB cả năm của môn 3 lớp 11 + điểm TB cả năm của môn 3 lớp 12) /3.

+) ĐKK: điểm khuyến khích đối với thí sinh dự tuyển có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo Bảng quy đổi điểm và điểm khuyến khích chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tại mục II.5.c;

+) ĐƯT: điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

2.4. Phương thức 4: Xét tuyển sử dụng kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội, đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội

- Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội, đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức trong năm 2026: Thí sinh nộp kết quả thi về Trường Đại học Sao Đỏ trong thời gian Nhà trường mở cổng đăng ký xét tuyển.

- Điểm xét tuyển là điểm đánh giá năng lực, đánh giá tư duy được quy đổi tuyến tính về thang điểm 30, điểm ưu tiên đối tượng, khu vực và điểm khuyến khích (nếu có).

+) Xét kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức:

Điểm xét tuyển = (Tổng điểm thi /150) x30 + ĐKK + ĐƯT

+) Xét kết quả thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội tổ chức:

Điểm xét tuyển = (Tổng điểm thi /100) x30 + ĐKK + ĐƯT

+) ĐKK: điểm khuyến khích đối với thí sinh dự tuyển có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo Bảng quy đổi điểm và điểm khuyến khích chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tại mục II.5.c;

+) ĐƯT: điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

2.5. Phương thức 5: Xét tuyển kết hợp

- Xét tuyển kết hợp giữa kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và kết quả học tập cấp THPT.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm môn Toán hoặc môn Ngữ văn theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (môn 1) và điểm của 02 môn học tự chọn cấp THPT (môn 2, môn 3) theo tổ hợp xét tuyển tương ứng của ngành đào tạo (thang điểm 30) cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực, điểm khuyến khích (nếu có).

Điểm xét tuyển = Điểm môn 1+ ĐTB môn 2 + ĐTB môn 3 + ĐKK + ĐƯT

Trong đó:

+) Điểm môn 1 là điểm thi tốt nghiệp THPT môn Toán hoặc môn Ngữ văn năm 2026;

+) ĐTB môn 2, ĐTB môn 3 là điểm trung bình học tập 3 năm học lớp 10,11,12 cấp THPT của 02 môn tự chọn (môn 2, môn 3) tương ứng theo tổ hợp xét tuyển của ngành tuyển sinh. Điểm trung bình cả năm môn học được ghi trong học bạ cấp THPT của thí sinh.

ĐTB môn 2 = (điểm TB cả năm của môn 2 lớp 10 + điểm TB cả năm của môn 2 lớp 11 + điểm TB cả năm của môn 2 lớp 12) /3;

ĐTB môn 3 = (điểm TB cả năm của môn 3 lớp 10 + điểm TB cả năm của môn 3 lớp 11 + điểm TB cả năm của môn 3 lớp 12) /3.

+) ĐKK: điểm khuyến khích đối với thí sinh dự tuyển có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo Bảng quy đổi điểm và điểm khuyến khích chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tại mục II.5.c;

+) ĐƯT: điểm ưu tiên theo khu vực, đối tượng.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp đến khi đủ chỉ tiêu.

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức xét tuyển

3.1. Ngưỡng đầu vào

3.1.1. Ngưỡng đầu vào sẽ được Trường thông báo ngay sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026, trên Cổng thông tin điện tử của Trường https://saodo.edu.vn

3.1.2. Ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo giáo viên, chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực pháp luật

a) Đối với phương thức 2 xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026: thí sinh đạt ngưỡng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.

b) Đối với phương thức 3,4,5 (xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT; xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Hà Nội, kết quả thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa tổ chức; xét tuyển kết hợp) thí sinh phải đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại mục II.3.1.1 hoặc:

Thí sinh có kết quả trung bình chung học tập được đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) cả năm lớp 12 (kết quả học tập 02 học kỳ năm cuối cấp đối với đối tượng trung học nghề và tương đương) và tổng điểm 03 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt 18,00 điểm trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT (điểm thi tốt nghiệp trung học nghề) từ 8,50 trở lên.

c) Đối với thí sinh đã tốt nghiệp trình độ trung cấp trở lên cùng nhóm ngành dự tuyển vào trình độ đại học chương trình đào tạo giáo viên, chương trình thuộc lĩnh vực pháp luật ngưỡng đầu vào được áp dụng một trong các tiêu chí sau:

- Kết quả trung bình chung học tập đánh giá mức tốt (học lực xếp loại từ giỏi trở lên) hoặc điểm trung bình chung các môn văn hóa cấp THPT đạt từ 8,00 trở lên theo thang điểm 10;

- Tốt nghiệp THPT loại giỏi trở lên hoặc kết quả học tập cả năm lớp 12 được đánh giá mức khá (học lực xếp loại khá) và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo;

- Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học đạt loại giỏi trở lên;

- Tốt nghiệp trình độ trung cấp hoặc trình độ cao đẳng hoặc trình độ đại học đạt loại khá và có 03 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo.

3.1.3. Ngưỡng đầu vào đối với chương trình đào tạo khác

- Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) các năm theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp từ năm 2026.

- Đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026: Ngưỡng đầu vào sẽ được Trường thông báo ngay sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026, trên Cổng thông tin điện tử của Trường *https://saodo.edu.vn*

3.2. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm

- Trường công bố quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển của các phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển theo hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào trên Cổng thông tin điện tử của Trường *https://saodo.edu.vn*

4. Số lượng tuyển sinh

- Mã trường: SDU

- Địa chỉ đào tạo: Số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

- Phương thức tuyển sinh sử dụng xét tuyển cho tất cả các ngành đào tạo:

+ Phương thức 1: Xét tuyển thẳng;

+ Phương thức 2: Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT;

+ Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập THPT;

+ Phương thức 4: Xét tuyển sử dụng kết quả thi ĐGNL của ĐH QG Hà Nội, ĐGTD của ĐH Bách khoa Hà nội;

+ Phương thức 5: Xét tuyển kết hợp.

- Số lượng tuyển sinh (dự kiến): 2130 chỉ tiêu

TT	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	SDU01	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	A00: Toán, Vật lí, Hóa học A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh A07: Toán, Lịch sử, Địa lí A09: Toán, Địa lí, GDCD B00: Toán, Hóa học, Sinh học C01: Toán, Ngữ văn, Vật lí C02: Toán, Ngữ văn, Hóa học C03: Toán, Ngữ văn, Lịch sử C04: Toán, Ngữ văn, Địa lí D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh C14: Toán, Ngữ văn, GDCD X01: Toán, Ngữ văn, GDKT&PL X02: Toán, Ngữ văn, Tin học X03: Toán, Ngữ văn, CN CN X04: Toán, Ngữ văn, CN NN X21: Toán, Địa lí, GDKT&PL
2	SDU02	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	
3	SDU03	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	
4	SDU04	Công nghệ thông tin	7480201	
5	SDU05	Công nghệ dệt, may	7540204	
6	SDU06	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	
7	SDU07	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	
8	SDU08	Trí tuệ nhân tạo	7480107	
9	SDU09	Kế toán	7340301	
10	SDU10	Quản trị kinh doanh	7340101	
11	SDU11	Kinh tế số	7310109	
12	SDU12	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	
13	SDU13	Thương mại điện tử	7340122	
14	SDU14	Tài chính - Ngân hàng	7340201	
15	SDU15	Toán ứng dụng	7460112	

TT	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
16	SDU16	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh D66: Ngữ văn, GDCD, Tiếng Anh D71: Ngữ văn, GDCD, Tiếng Trung C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí C14: Toán, Ngữ văn, GDCD X01: Ngữ văn, Toán, GDKT&PL X74: Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL X78: Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh X90: Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Trung
17	SDU17	Ngôn ngữ Anh	7220201	
18	SDU18	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí C03: Ngữ văn, Toán, Lịch sử C04: Ngữ văn, Toán, Địa lí C14: Ngữ văn, Toán, GDCD C19: Ngữ văn, Lịch sử, GDCD C20: Ngữ văn, Địa lí, GDCD D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh D66: Ngữ văn, GDCD, Tiếng Anh X01: Ngữ văn, Toán, GDKT&PL X02: Ngữ văn, Toán, Tin học X70: Ngữ văn, Lịch sử, GDKT&PL X74: Ngữ văn, Địa lí, GDKT&PL X78: Ngữ văn, GDKT&PL, Tiếng Anh
19	SDU19	Luật	7380101	
20	SDU20	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D04: Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh D11: Ngữ văn, Vật lí, Tiếng Anh D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D15: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh D45: Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Trung D65: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Trung A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh X79: Ngữ văn, Tin học, Tiếng Anh

TT	Mã xét tuyển	Ngành đào tạo	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
21	SDU21	Sư phạm công nghệ	7140246	A00: Toán, Vật lí, Hóa học A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh A07: Toán, Lịch sử, Địa lí D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh C01: Toán, Ngữ văn, Vật lí C04: Toán, Ngữ văn, Địa lí C14: Ngữ văn, Toán, GDCD X01: Toán, Ngữ văn, GDKT&PL X02: Toán, Ngữ văn, Tin học X03: Toán, Ngữ văn, CN CN X04: Toán, Ngữ văn, CN NN

Chỉ tiêu có thể điều chỉnh giữa các ngành trong cùng nhóm ngành, trên cơ sở đảm bảo điều kiện năng lực đào tạo.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a) Căn cứ xét tuyển xét từ cao xuống thấp đến đủ chỉ tiêu được giao.

b) Nhà trường không quy định chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp trong cùng một ngành tuyển sinh.

c) Ưu tiên đối với thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (tiếng Anh, tiếng Trung Quốc) cụ thể như sau:

- Thí sinh có thể sử dụng Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để quy đổi điểm thay thế môn ngoại ngữ trong tổ hợp xét tuyển của phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT;

- Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế được cộng điểm khuyến khích khi đăng ký xét tuyển vào Trường Đại học Sao Đỏ theo phương thức xét kết quả học tập cấp THPT; phương thức xét điểm thi tốt nghiệp THPT khi tổ hợp xét tuyển không có môn ngoại ngữ để thay thế; phương thức xét kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội, đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội; phương thức xét tuyển kết hợp.

Bảng quy đổi điểm và điểm khuyến khích chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế

STT	Tiếng Anh		Tiếng Trung Quốc	Điểm quy đổi	Điểm khuyến khích
	IELTS	TOEFL iBT	HSK, TOCFL		
1	4.5	60-62		9	0,5
2	5.0	63-64	Cấp độ 3	9,25	0,75
3	5.5	65-78		9,50	1,0
4	6.0	79-87	Cấp độ 4	9,75	1,25
5	≥ 6.5	≥ 88	≥ Cấp độ 5	10	1,5

d) Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian tuyển sinh (dự kiến)

- Đợt 1: Thí sinh đăng ký xét tuyển trên Hệ thống ĐKXT theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhà trường tổ chức cho thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Cổng thông tin đăng ký xét tuyển *http://tuyensinh.saodo.edu.vn* theo Thông báo tuyển sinh đăng trên website *https://saodo.edu.vn* của Nhà trường.

Thời gian nhận hồ sơ xét tuyển (dự kiến): Từ 01/4/2026.

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh các đợt tiếp theo sau khi kết thúc tuyển sinh đợt 1 theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đến hết tháng 11 năm 2026 (nếu còn chỉ tiêu). Kế hoạch cụ thể sẽ được thông báo trên website tuyển sinh của Nhà trường.

- Sau khi xét tuyển, Trường Đại học Sao Đỏ công bố các kết quả xét tuyển trên website: *http://trungtuyen.saodo.edu.vn*

6.2. Hình thức đăng ký xét tuyển

- Đăng ký xét tuyển trên Hệ thống ĐKXT theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đăng ký xét tuyển trực tuyến trên Cổng đăng ký tuyển sinh của Trường tại website: ***http://tuyensinh.saodo.edu.vn***.

- Nộp trực tiếp tại Nhà trường theo địa chỉ: Phòng Đào tạo và Tuyển sinh, Trường Đại học Sao Đỏ, số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0862 15 05 69 - 0838 15 05 69 - 0911 422 658 - 0981 116 388

Email: tuyensinh.sdu@gmail.com

Website: *https://saodo.edu.vn*

Hồ sơ nộp trực tiếp gồm có:

+ Phiếu đăng ký xét tuyển đại học theo mẫu (thí sinh có thể tải trên website Nhà trường);

+ Bản sao học bạ THPT;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026).

+ Bản sao giấy chứng nhận kết quả bài thi đánh giá năng lực hoặc giấy chứng nhận kết quả bài thi đánh giá tư duy (đối với thí sinh xét tuyển theo kết quả bài thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc Gia Hà Nội hoặc kết quả bài thi đánh giá tư duy của Đại học Bách khoa Hà Nội);

+ Bản sao Căn cước công dân/Căn cước; Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

- Với phương thức xét tuyển thẳng: thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo địa chỉ: Phòng Đào tạo và Tuyển sinh, Trường Đại học Sao Đỏ, số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0862 15 05 69 - 0838 15 05 69 - 0911 422 658 - 0981 116 388

Email: tuyensinh.sdu@gmail.com

Website: *https://saodo.edu.vn*

Hồ sơ gồm:

+ Bản sao học bạ THPT;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026);

+ Bản sao Giấy chứng nhận đạt giải đối với thí sinh thuộc đối tượng quy định tại điểm a,b,c khoản II.1.2.1.1;

+ Bản sao Căn cước công dân/Căn cước; Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

7. Chính sách ưu tiên

Áp dụng chính sách ưu tiên chung theo khu vực và đối tượng trong quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí xét tuyển theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. Cam kết của Nhà trường đối với thí sinh

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo đúng quy chế và sự chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan và chống mọi hiện tượng tiêu cực.

- Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo mà không đủ điều kiện.

- Chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm quy chế.

10. Các nội dung khác

10.1. Thông tin về học phí dự kiến với sinh viên chính quy

Học phí thu theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Dự kiến năm học 2026 - 2027 học phí từ 11.000.000 đồng đến 12.800.000 đồng/1 kỳ.

Học phí có thể được điều chỉnh khi có quy định mới của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế.

10.2. Thông tin về học bổng, chế độ chính sách

- Sinh viên có cơ hội được hưởng các chế độ học bổng khuyến khích học tập; học bổng khuyến học khuyến tài; học bổng sinh viên vượt khó học tập; học bổng của các doanh nghiệp tài trợ;...

- Sinh viên nhóm ngành đào tạo giáo viên được Nhà nước hỗ trợ 100% tiền đóng học phí và tiền hỗ trợ sinh hoạt phí theo quy định.

- Sinh viên thuộc đối tượng chính sách được hưởng chế độ, chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ vay vốn,... theo quy định của Nhà nước.

III. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY ĐỐI VỚI ĐỐI TƯỢNG TỐT NGHIỆP TỪ CAO ĐẲNG TRỞ LÊN

1. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy đối với đối tượng tốt nghiệp cao đẳng

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Người đã tốt nghiệp cao đẳng cùng nhóm ngành dự tuyển và đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Có sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Nhà trường thực hiện tuyển sinh đại học chính quy đối với đối tượng tốt nghiệp cao đẳng theo phương thức xét tuyển.

- Xét điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học trình độ cao đẳng hoặc tương đương.

- Căn cứ điểm xét trúng tuyển xếp từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

1.3. Ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển

- Ngưỡng đầu vào: Thí sinh đã tốt nghiệp cao đẳng cùng nhóm ngành dự tuyển và đã tốt nghiệp THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ điểm xét trúng tuyển xếp từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

1.4. Số lượng tuyển sinh

- Mã trường: SDU

- Địa chỉ đào tạo: Trường Đại học Sao Đỏ, số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

- Số lượng tuyển sinh (dự kiến): 30 chỉ tiêu

TT	Mã xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Ghi chú
1	SDU22	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	
2	SDU23	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	

1.5. Tổ chức tuyển sinh

1.5.1. Thời gian tuyển sinh

Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển (dự kiến):

- Đợt 1: Từ tháng 1/2026 đến tháng 6/2026.

- Đợt 2: Từ tháng 6/2026 đến tháng 11/2026.

1.5.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu của Nhà trường (thí sinh có thể tải trên website).

- Bằng tốt nghiệp cao đẳng (bản sao) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp cao đẳng tạm thời năm 2026.

- Bảng điểm kết quả học tập cao đẳng (bản sao).

- Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao).

- Căn cước công dân/Căn cước (bản sao).

- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Địa chỉ: Phòng Đạo tạo và Tuyển sinh, Trường Đại học Sao Đỏ, số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0862 15 05 69 - 0838 15 05 69 - 0981 116 388

Email: tuyensinh.sdu@gmail.com

Website: *https://saodo.edu.vn*

1.6. Chính sách ưu tiên

Áp dụng chính sách ưu tiên chung theo khu vực và đối tượng trong quy chế tuyển sinh hiện hành và các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.7. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí đăng ký dự xét tuyển sinh: 200.000 đồng/hồ sơ.

1.8. Cam kết của Nhà trường đối với thí sinh

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo đúng quy chế và sự chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan và chống mọi hiện tượng tiêu cực.

- Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo mà không đủ điều kiện.

- Chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm quy chế.

1.9. Các nội dung khác

Thông tin về học phí dự kiến:

Học phí thu theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Dự kiến năm học 2026 - 2027 học phí từ 11.000.000 đồng đến 12.800.000 đồng/1 kỳ.

Học phí có thể được điều chỉnh khi có quy định mới của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Tuyển sinh đào tạo đại học chính quy đối với đối tượng tốt nghiệp đại học

2.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

- Người đã tốt nghiệp đại học.
- Có sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành.

2.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

Nhà trường thực hiện tuyển sinh đại học chính quy đối với đối tượng tốt nghiệp đại học theo phương thức xét tuyển.

- Xét điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa học trình độ đại học hoặc tương đương.
- Căn cứ điểm xét trúng tuyển xếp từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

2.3. Ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển

- Ngưỡng đầu vào: Thí sinh đã tốt nghiệp đại học.
- Căn cứ điểm xét trúng tuyển xếp từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

2.4. Số lượng tuyển sinh

- Mã trường: SDU
- Địa chỉ đào tạo: Trường Đại học Sao Đỏ, số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

TT	Mã xét tuyển	Mã ngành	Tên ngành	Số lượng (dự kiến)	Ghi chú
1	SDU24	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	

2.5. Tổ chức tuyển sinh

2.5.1. Thời gian tuyển sinh

Thời gian nhận hồ sơ và xét tuyển (dự kiến):

- Đợt 1: Từ tháng 1/2026 đến tháng 6/2026.
- Đợt 2: Từ tháng 6/2026 đến tháng 11/2026.

2.5.2. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

Hồ sơ đăng ký xét tuyển gồm có:

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu của Nhà trường (thí sinh có thể tải trên website).
- Bằng tốt nghiệp đại học (bản sao) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học tạm thời năm 2026.
- Bảng điểm kết quả học tập đại học (bản sao).
- Bằng tốt nghiệp THPT (bản sao).
- Căn cước công dân/Căn cước (bản sao).
- Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có).

Địa chỉ: Phòng Đạo tạo và Tuyển sinh, Trường Đại học Sao Đỏ, số 76, Nguyễn Thị Duệ, phường Chu Văn An, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0862 15 05 69 - 0838 15 05 69 - 0981116388

Email: tuyensinh.sdu@gmail.com

Website: *https://saodo.edu.vn*

2.6. Chính sách ưu tiên

Thực hiện theo quy định trong quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.7. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí đăng ký dự xét tuyển sinh: 200.000 đồng/hồ sơ.

2.8. Cam kết của Nhà trường đối với thí sinh

- Nhà trường tổ chức tuyển sinh theo đúng quy chế và sự chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện nghiêm túc, an toàn, đúng quy định trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thí sinh tham gia đăng ký xét tuyển, đảm bảo nghiêm túc, công bằng, khách quan và chống mọi hiện tượng tiêu cực.

- Công bố rộng rãi, công khai các thông tin về hoạt động tuyển sinh của Nhà trường để xã hội, phụ huynh và thí sinh theo dõi, giám sát.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo mà không đủ điều kiện.

- Chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh.

- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kịp thời. Kết thúc kỳ tuyển sinh, Nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm, báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xử lý nghiêm túc, đúng quy định của pháp luật các hiện tượng tiêu cực, hành vi vi phạm quy chế.

2.9. Các nội dung khác

Thông tin về học phí dự kiến:

Học phí thu theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Dự kiến năm học 2026 - 2027 học phí từ 11.000.000 đồng đến 12.800.000 đồng/1 kỳ.

Học phí có thể được điều chỉnh khi có quy định mới của Nhà nước và phù hợp với điều kiện thực tế.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Tên ngành	Mã ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
1	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	Xét kết quả thi tốt nghiệp	115	115	15/30	70	66	17/30
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
2	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	Xét kết quả thi tốt nghiệp	265	278	15/30	230	215	18/30
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	Xét kết quả thi tốt nghiệp	220	227	15/30	130	130	17/30
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
4	Công nghệ thông tin	7480201	Xét kết quả thi tốt nghiệp	80	83	15/30	70	63	17/30
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
5	Công nghệ dệt, may	7540204	Xét kết quả thi tốt nghiệp	20	20	15/30	30	9	16/30
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
6	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	Xét kết quả thi tốt nghiệp	365	373	15/30	240	235	17/30
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30

TT	Tên ngành	Mã ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
7	Kỹ thuật cơ điện tử	7520114	Xét kết quả thi tốt nghiệp	60	64	15/30	45	36	16/30
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
8	Quản trị kinh doanh	7340101	Xét kết quả thi tốt nghiệp	50	53	15/30	40	38	16/30
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
9	Kế toán	7340301	Xét kết quả thi tốt nghiệp	45	45	15/30	40	38	16/30
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
10	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Xét kết quả thi tốt nghiệp	275	284	15/30	195	179	18/30
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
11	Ngôn ngữ Anh	7220201	Xét kết quả thi tốt nghiệp	20	20	15/30			
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			
10	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	Xét kết quả thi tốt nghiệp	25	27	15/30	20	9	16/30
			Xét kết quả học tập THPT			18/30			18/30
13	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	Xét kết quả thi tốt nghiệp	20	20	26,1/30	40	40	21,74/30
			Xét kết quả học tập THPT			27,87			24

TT	Tên ngành	Mã ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển
14	Sư phạm công nghệ	7140246	Xét kết quả thi tốt nghiệp	20	18	21,68/30	20	16	19/30
			Xét kết quả học tập THPT			25,46/30			24/30
15	Luật	7380101	Xét kết quả thi tốt nghiệp	30	30	18/30			
			Xét kết quả học tập THPT			19/30			

Cán bộ tuyển sinh
Hoàng Thị Bích Ngọc
Số điện thoại: 0862 15 05 69
Email: tuyensinh.sdu@gmail.com

Hải Phòng, ngày 24 tháng 02 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

TS. Nguyễn Thị Kim Nguyên